

Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 4

Bộ sách: Kết nối tri thức

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Trong túi có 2 chiếc bút xanh và 1 chiếc bút màu đỏ. Lan lấy 2 chiếc bút ra khỏi túi và quan sát màu bút lấy được. Có mấy sự kiện có thể xảy ra?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

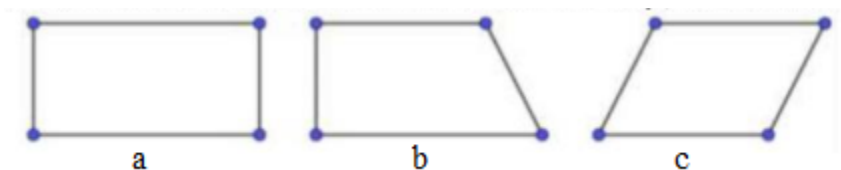
Câu 2. Trong các phân số sau, phân số lớn hơn 1 là:

- A. $\frac{3}{4}$ B. $\frac{3}{7}$ C. $\frac{6}{5}$ D. $\frac{11}{12}$

Câu 3. Trong các phân số sau, phân số tối giản là:

- A. $\frac{12}{9}$ B. $\frac{15}{25}$ C. $\frac{7}{9}$ D. $\frac{24}{40}$

Câu 4. Quan sát hình sau:



- A. Hình a là hình chữ nhật, hình c là hình thoi
 B. Hình a là hình chữ nhật, không có hình thoi
 C. Hình b là hình chữ nhật, hình c là hình thoi
 D. Hình a là hình chữ nhật, hình c là hình bình hành

Câu 5. Kết quả của phép tính $32\ 000\ 000 : 1000$ là:

- A. 320 B. 3 200 C. 32 000 D. 320 000

Câu 6. Có 7 641 gam bột được chia đều vào 3 túi. 2 túi như vậy có chứa số gam bột là:

- A. 5094 B. 5049 C. 5904 D. 5940

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

$$1852 \times 34$$

.....

.....

.....

$$4305 : 35$$

.....

.....

.....

Câu 2. Tính bằng cách thuận tiện

$$8 \times 125 - x \times 125 \times 5$$

.....

.....

$$346 \times 458 + 346 + 541 \times 346$$

.....

.....

Câu 3. Để vắt một bình nước cam người ta cần 12 quả cam. Vậy có 168 quả cam, người ta có thể vắt được bao nhiêu bình như thế?

.....

.....

.....

Câu 4. Khối Bốn của một trường tiểu học có 3 lớp, trong đó lớp 4A có 34 học sinh, lớp 4B có 38 học sinh, lớp 4C có số học sinh bằng trung bình cộng số học sinh của hai lớp 4A và 4B. Hỏi trung bình mỗi lớp có bao nhiêu học sinh?

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong túi có 2 chiếc bút xanh và 1 chiếc bút màu đỏ. Lan lấy 2 chiếc bút ra khỏi túi và quan sát màu bút lấy được. Có mấy sự kiện có thể xảy ra?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Phương pháp

Xác định số sự kiện có thể xảy ra khi lấy 2 chiếc bút.

Lời giải

Có 2 sự kiện có thể xảy ra là:

- Lan lấy được hai chiếc bút xanh
- Lan lấy được 1 chiếc bút xanh và 1 chiếc bút đỏ

Đáp án: B

Câu 2. Trong các phân số sau, phân số lớn hơn 1 là:

- A. $\frac{3}{4}$ B. $\frac{3}{7}$ C. $\frac{6}{5}$ D. $\frac{11}{12}$

Phương pháp

Phân số có tử số lớn hơn mẫu số thì lớn hơn 1.

Lời giải

Phân số lớn hơn 1 là: $\frac{6}{5}$

Đáp án: C

Câu 3. Trong các phân số sau, phân số tối giản là:

- A. $\frac{12}{9}$ B. $\frac{15}{25}$ C. $\frac{7}{9}$ D. $\frac{24}{40}$

Phương pháp

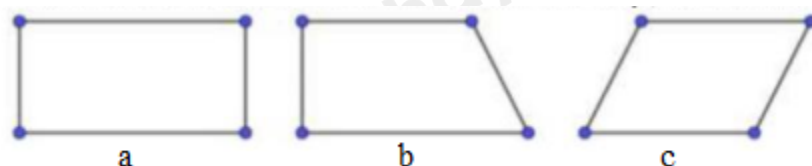
Phân số tối giản là phân số có tử số và mẫu số không cùng chia hết cho số tự nhiên nào lớn hơn 1.

Lời giải

Trong các phân số đã cho, phân số tối giản là: $\frac{7}{9}$

Đáp án: C

Câu 4. Quan sát hình sau:



- A. Hình a là hình chữ nhật, hình c là hình thoi
 B. Hình a là hình chữ nhật, không có hình thoi
 C. Hình b là hình chữ nhật, hình c là hình thoi
 D. Hình a là hình chữ nhật, hình c là hình bình hành

Phương pháp

Dựa vào tính chất của các hình để nhận biết:

Hình thoi có 2 cặp cạnh song song và 4 cạnh bằng nhau

Hình bình hành có 2 cặp song song và bằng nhau

Lời giải

Hình a là hình chữ nhật, hình c là hình bình hành.

Đáp án: D

Câu 5. Kết quả của phép tính $32\ 000\ 000 : 100$ là:

- A. 320 B. 3 200 C. 32 000 D. 320 000

Phương pháp

Khi chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, ... cho 10, 100, 1 000, ... ta bỏ bớt đi một, hai, ba, ... chữ số 0 ở bên phải số đó.

Lời giải

Kết quả của phép tính $32\ 000\ 000 : 100$ là: 320 000

Đáp án: D

Câu 6. Có 7 641 gam bột được chia đều vào 3 túi. 2 túi như vậy có chứa số gam bột là:

- A. 5094 B. 5049 C. 5904 D. 5940

Phương pháp

Bước 1. Tìm số gam bột trong mỗi túi

Bước 2. Tìm số gam bột trong 2 túi

Lời giải

Số gam bột trong mỗi túi là: $7\ 641 : 3 = 2\ 547$ (g)

2 túi như vậy có chứa số gam bột là: $2\ 547 \times 2 = 5\ 094$ (g)

Đáp án: A**II. TỰ LUẬN**

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

$$1852 \times 34$$

$$4305 : 35$$

Phương pháp

- Đặt tính

- Với phép nhân: Nhân lần lượt từ phải sang trái

- Với phép chia: Chia lần lượt từ trái sang phải

Lời giải

$$\begin{array}{r} 1852 \\ \times \quad 34 \\ \hline 7408 \\ 5556 \\ \hline 62968 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4305 \overline{) 35} \\ 80 \overline{) 123} \\ 105 \\ \hline 0 \end{array}$$

Câu 2. Tính bằng cách thuận tiện

$$8 \times 125 - 125 \times 5$$

$$346 \times 458 + 346 + 541 \times 346$$

Phương pháp

Áp dụng công thức:

$$a \times b + a \times c = a \times (b + c)$$

$$a \times b - a \times c = a \times (b - c)$$

Lời giải

$$\begin{aligned} 8 \times 125 - 125 \times 5 &= 125 \times (8 - 5) \\ &= 125 \times 3 \\ &= 375 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} 346 \times 458 + 346 + 541 \times 346 &= 346 \times 458 + 346 \times 1 + 541 \times 346 \\ &= 346 \times (458 + 1 + 541) \\ &= 346 \times 1\,000 \\ &= 346\,000 \end{aligned}$$

Câu 3. Để vắt một bình nước cam người ta cần 12 quả cam. Vậy có 168 quả cam, người ta có thể vắt được bao nhiêu bình như thế?

Phương pháp

Số bình nước cam = Số quả cam : Số quả cam để vắt được một bình

Lời giải

Người ta có thể vắt được số bình nước cam từ 168 quả cam là:

$$168 : 12 = 14 \text{ (bình)}$$

Đáp số: 14 bình nước cam

Câu 4. Khối Bốn của một trường tiểu học có 3 lớp, trong đó lớp 4A có 34 học sinh, lớp 4B có 38 học sinh, lớp 4C có số học sinh bằng trung bình cộng số học sinh của hai lớp 4A và 4B. Hỏi trung bình mỗi lớp có bao nhiêu học sinh?

Phương pháp

Bước 1. Tìm số học sinh lớp 4C = (số học sinh lớp 4A + số học sinh lớp 4B) : 2

Bước 2. Số học sinh trung bình = tổng số học sinh của ba lớp : 3

Lời giải

Số học sinh lớp 4C là:

$$(34 + 38) : 2 = 36 \text{ (học sinh)}$$

Trung bình mỗi lớp có số học sinh là;

$$(34 + 38 + 36) : 3 = 36 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 36 học sinh